TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-10-2018
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tú

2. Ông Nguyễn Văn Thiên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Ngọc Điệp – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh C, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Số 90, tổ 21, khóm 5, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Số 90, tổ 21, khóm 5, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Lê Thanh C trình bày:

Năm 2003, ông và bà Nguyễn Thị Ngọc H quen biết nhau, sau đó sống chung như vợ chồng mà không tổ chức lễ cưới. Đến năm 2004, ông và bà H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A theo Giấy chứng nhận kết hôn số 225 ngày 01/11/2004. Sau khi kết hôn, ông và bà H về sống chung với gia đình cha mẹ ông tại khóm 5, phường V, thị xã M. Vài năm gần đây, do điều kiện sống khó khăn nên ông và bà H thường lời qua tiếng lại, phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai dần sống cô lập, việc của ai nấy làm, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống hôn nhân không còn ý nghĩa đối với cả hai ông bà. Do đó, ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 01 con chung tên Lê Nguyễn Đình H, sinh ngày 31/8/2004, hiện đang sống với ông. Ông yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi cháu H.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc H mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 111/TB-TLVA ngày 04/5/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 567/TB-TA ngày 25/8/2018; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 676/TB-TA ngày 15/6/2018; Thông báo về việc yêu cầu cung cấp chứng cứ số 762/TB-TA ngày 06/7/2018 nhưng bà H không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Lê Thanh C.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Lê Thanh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về hôn nhân yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc H; về con chung yêu cầu được nuôi cháu Lê Nguyễn Đình H, không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 18/9/2018, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, bà Nguyễn Thị Ngọc H đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay, bà H đã được tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, bà H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập hai lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh C và bà Nguyễn Thị Ngọc H qua quen biết tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 225 quyển số 02/2004 ngày 01/11/2004 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống theo lời trình bày của ông C thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà H chơi cờ bạc không quan tâm đến gia đình, ông C và bà H mặc dù sống chung nhà nhưng việc ai người đó làm, cả hai đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, bà H không đến Tòa án trình bày ý kiến về tình trạng hôn nhân hiện nay cũng như ý kiến đối với lời trình bày của ông C nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Như vậy, ông C và bà H đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C, cho ông C được ly hôn với bà H.

[3] Về con chung: Giữa ông C và bà H có một con chung là cháu Lê Nguyễn Đình H, sinh ngày 31/8/2004. Hiện cháu Đình H sống chung với ông C và bà H tại khóm 5, phường V, thị xã M. Ông C yêu cầu được

nuôi cháu Đình H, hiện ông C làm tiếp thị, thu nhập ổn định mỗi tháng 6.000.000 đồng, đủ điều kiện kinh tế để nuôi cháu Đình H. Tại Bản tự khai ngày 27/4/2018, cháu Đình H cũng có nguyện vọng được sống chung với ông C. Quá trình giải quyết vụ án, bà H không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu của ông C nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận để ông C được trực tiếp nuôi cháu Đình H. Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Đình H mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng cho con: Do ông C không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho cháu Đình H nên bà H chưa phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông C và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, ông C và bà H được quyền khởi kiện một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Buộc ông C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tỏa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh C được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Đình H, sinh ngày 31/8/2004 cho ông Lê Thanh C được trực tiếp nuôi, bà Nguyễn Thị Ngọc H chưa phải cấp dưỡng cho cháu Đình H.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Đình H mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Thanh C và bà Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết, ông C và bà H được

quyền khởi kiện một vụ kiện khác về chia tài sản chung và nợ chung khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Buộc ông Lê Thanh C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009093 ngày 04/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, ông C đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01
- VKSND TX.Bình Minh: 01
- Chi cục THADS TX.Bình Minh: 01
- Ủy ban nhân dân phường Cái Vồn: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

Trần Quốc Huy